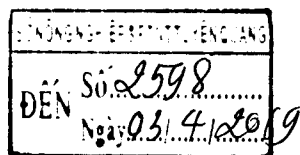


Số: 301/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 4 năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

**Giao kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai
tỉnh Tuyên Quang đợt 4 năm 2018 và đợt 1 năm 2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm /2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 46/TTr-SNN ngày 25/3/2019 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai đợt 4 năm 2018 và đợt 1 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang đợt 4 năm 2018 và đợt 1 năm 2019 đối với các cơ quan, đơn vị đã lập Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai với tổng số tiền là: 1.881.254.500 đồng, trong đó:

- Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang đợt 4 năm 2018 là: 350.306.800 đồng.

- Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang đợt 1 năm 2019 là: 1.530.947.700 đồng.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm thu và nộp Quỹ vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh trước ngày 10/6/2019.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành phố; thủ trưởng các tổ chức và cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *xl*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên NLN;
- Lưu VT, (Hòa 50).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Quang

Biểu tổng hợp kế hoạch thu, nộp Quỹ PCTT đợt 4 năm 2018 và đợt 1 năm 2019

(Kèm theo Quyết định số 302/QĐ/UBND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: đồng

STT	Tên các huyện, thành phố	Kinh phí giao kế hoạch	Kinh phí 5% để lại thực hiện công tác thu tại các xã, phường, thị trấn	Kinh phí nộp về tài khoản Quỹ PCTT tỉnh	Ghi chú
	Tổng cộng A+B	1.881.254.500	11.622.000	1.869.632.500	
A	Năm 2018.(đợt 4)	350.306.800	7.420.500	342.886.300	
1	Huyện Chiêm Hóa (chi tiết theo báo cáo số 1802/UBND - NLN ngày 27/12/2018 của UBND huyện Chiêm Hóa)	242.250.800	7.420.500	234.830.300	
2	Huyện Na Hang (chi tiết các xã, thị trấn theo Văn bản số 986/UBND-NLN ngày 30/11/2018 của UBND huyện Na Hang)	108.056.000		108.056.000	
B	Năm 2019 (đợt 1)	1.530.947.700	4.201.500	1.526.746.200	
I	Các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp nhà nước cấp tỉnh	717.573.900		717.573.900	
II	Các huyện, thành phố	813.373.800	4.201.500	809.172.300	
1	Huyện Hàm Yên (chi tiết theo báo cáo số 111/UBND - NLN ngày 18/03/2019 của UBND huyện Hàm Yên)	375.721.700		375.721.700	
2	Huyện Sơn Dương (chi tiết các xã, thị trấn theo Văn bản số 134/UBND-NLN ngày 22/3/2019 của UBND huyện Sơn Dương)	437.652.100	4.201.500	433.450.600	

Biểu kế hoạch thu, nộp Quỹ PCTT các huyện, thành phố đợt 4 năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 1014/QĐ/UBND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: đồng

STT	Tên các huyện, thành phố	Kinh phí giao kế hoạch thu năm 2018 đợt 4	Kinh phí 5% để lại thực hiện công tác thu tại các xã, phường, thị trấn	Kinh phí nộp về tài khoản Quỹ PCTT tỉnh	Ghi chú
I	Năm 2018 đợt 4	350.306.800	7.420.500	342.886.300	
1	Huyện Chiêm Hóa (chi tiết theo báo cáo số 1802/UBND - NLN ngày 27/12/2018 của UBND huyện Chiêm Hóa)	242.250.800	7.420.500	234.830.300	
	Thu các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học, UBND xã, thị trấn: 25 đơn vị	93.840.800		93.840.800	
	Thu của người lao động: 05 xã	148.410.000	7.420.500	140.989.500	
	Thu của doanh nghiệp trên địa bàn: 04 doanh nghiệp				
2	Huyện Na Hang (chi tiết các xã, thị trấn theo Văn bản số 986/UBND-NLN ngày 30/11/2018 của UBND huyện Na Hang)	108.056.000		108.056.000	
	Thu của các Cơ quan, đơn vị hành chính, trường học, UBND xã trên địa bàn: 27 đơn vị	108.056.000		108.056.000	

**Biểu kế hoạch thu Quỹ Bảo vệ môi trường thiên nhiên tại các cơ quan, đơn vị
và doanh nghiệp nhà nước cấp tỉnh đợt 1 năm 2019**

(Kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân
Đơn vị: đồng)

STT	Tên cơ quan, đơn vị giao kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai	Kinh phí giao kế hoạch thu đợt 1 năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng	717.573.900	
1	Ban Dân tộc	3.500.000	
2	Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài	4.726.700	đã nộp
3	Tỉnh ủy		
	- Ban Tổ chức Tỉnh ủy	6.366.200	
	- Ban Nội chính Tỉnh ủy	3.223.300	
	- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	4.417.000	
	- Văn phòng Tỉnh ủy	9.662.500	
	- Ban dân vận Tỉnh ủy	3.061.000	
4	Ủy ban nhân dân tỉnh		
	- Văn phòng UBND tỉnh	11.944.100	
	- Trung tâm Hội nghị tỉnh	1.816.000	
5	Ban Di dân tái định cư Thủy điện TQ	4.037.000	
6	Báo Tuyên Quang	5.406.200	
7	Bảo hiểm xã hội tỉnh	18.961.500	
	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	2.790.800	
8	Ban quản lý Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	779.000	
9	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc Micco: Chi nhánh CNHCM Hà Tuyên	4.875.000	
10	Cục Dự trữ nhà nước khu vực Hoàng Liên Sơn	5.777.000	
	- Văn phòng Cục		
	- Chi cục Tuyên Quang		
11	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang	6.154.000	
12	Cục Thuế tỉnh	17.942.500	
13	Cục Thống kê	4.431.800	
14	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	4.076.500	
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	18.068.100	
16	Hội Cựu chiến binh	2.477.400	
17	Hội Chữ thập đỏ		
17	Hội Văn học Nghệ thuật	1.642.000	
	Hội Đông y		
18	Hội Liên hiệp Phụ nữ	3.523.000	
19	Hội Nông dân tỉnh	3.901.000	
20	Hội Nhà báo	589.900	

STT	Tên cơ quan, đơn vị giao kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai	Kinh phí giao kế hoạch thu đợt 1 năm 2019	Ghi chú
21	Kho bạc Nhà nước	12.742.400	
22	Liên đoàn Lao động tỉnh	6.022.800	
23	Liên minh hợp tác xã	2.037.600	
24	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TQ	7.292.600	
25	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi		
26	Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh TQ	6.123.000	
27	Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam chi nhánh TQ	14.020.800	
28	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Tuyên Quang	14.625.000	
29	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh Tuyên Quang	3.625.000	
30	Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi nhánh Tuyên Quang	5.900.000	
31	Sở Công Thương		
	- Văn phòng Sở	6.607.000	
	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	1.319.000	
32	Sở Giáo dục và Đào tạo	7.163.000	
33	Sở Giao thông vận tải	17.873.000	
34	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7.115.600	
35	Sở Khoa học và Công nghệ		
	- Văn phòng Sở	3.685.100	
	- Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1.036.400	
	- Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH và CN	1.192.400	
36	Sở Nông nghiệp và PTNT		
	- Văn phòng Sở	5.092.200	
	- Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang	1.820.600	
	- Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình	1.896.700	
	- Ban quản lý khai thác CTTL	5.454.000	
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	10.772.400	
	- Chi cục Kiểm lâm	9.599.000	(bao gồm cả đội cơ động)
	- Chi cục Thủy lợi	1.900.000	
	- Chi cục Thủy sản	1.258.000	
	- Chi cục Quản lý chất lượng NLN&TS	1.306.000	
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	6.160.000	
	- Chi cục Phát triển nông thôn	2.651.200	

STT	Tên cơ quan, đơn vị giao kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai	Kinh phí giao kế hoạch thu đợt 1 năm 2019	Ghi chú
	- Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	1.955.000	
	- Trung tâm Điều tra, quy hoạch thiết kế NLN	1.742.000	
	- Trung tâm Khuyến nông	3.570.700	
	- Trung tâm Thủy sản	4.937.000	
37	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		
	- Văn phòng Sở	7.633.600	
	- Cơ sở cai nghiện Ma túy	1.012.000	
	- Trung tâm Công tác xã hội	2.119.200	
38	Sở Ngoại vụ	2.923.000	
39	Sở Thông tin Truyền thông		
	- Văn phòng Sở	3.847.900	
40	Sở Nội vụ		
	- Văn phòng Sở	7.810.000	
	- Chi cục Văn thư lưu trữ	2.592.700	
41	Sở Tài chính	11.206.900	
42	Sở Tư pháp		
	- Văn phòng Sở	4.269.500	
	- Phòng Công chứng số 1	904.400	
	- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	77.700	
	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	2.311.500	
43	Sở Y tế		
	- Văn phòng Sở	6.100.000	
	- Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	7.700.000	
	- Bệnh viện Đa khoa tỉnh	95.000.000	
	- Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	8.759.300	
	- Trường Trung cấp Y tế	5.345.000	
	- Trung tâm Y tế dự phòng	6.573.000	
	- Trung tâm Phòng bệnh xã hội	3.377.000	
	- Trung tâm Giám định Y khoa	1.562.500	
	- Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	1.576.000	
	- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	2.683.600	
44	Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang	8.010.400	
45	Trường Cao đẳng nghề KTCN	11.301.000	
46	Trường Chính trị tỉnh Tuyên Quang	9.211.900	
47	Trường TH KTKT Tuyên Quang	13.527.000	

STT	Tên cơ quan, đơn vị giao kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai	Kinh phí giao kế hoạch thu đợt 1 năm 2019	Ghi chú
48	Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Tuyên Quang	2.724.500	
49	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang	14.938.900	
50	Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh	2.755.900	
51	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	8.826.000	
52	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	4.097.000	
53	Tỉnh đoàn	3.496.500	
54	BQL DA ĐT XD các Công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh	3.978.000	
55	BQL DA ĐT XD các Công trình giao thông tỉnh	4.620.000	
56	BQL DA ĐT XD các Công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp tỉnh	4.311.200	
57	Viễn thông Tuyên Quang	37.226.800	(bao gồm cả tổ chức + cá nhân)
58	Công ty Điện lực Tuyên Quang	70.519.000	
59	Bưu điện tỉnh	27.678.300	(bao gồm cả tổ chức + cá nhân)
60	Công ty Bảo hiểm nhân thọ TQ (Bảo Việt)	4.301.700	(bao gồm cả tổ chức + cá nhân)

Biểu kế hoạch thu nộp Quỹ PCTT các huyện, thành phố đợt 1 năm 2019

(Kèm theo Quyết định số 301/QĐ/UBND ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị: đồng

STT	Tên các huyện, thành phố	Kinh phí giao kế hoạch thu năm 2019 đợt 1	Kinh phí 5% để lại thực hiện công tác thu tại các xã, phường, thị trấn	Kinh phí nộp về tài khoản Quỹ PCTT tỉnh	Ghi chú
I	Năm 2019 đợt 1	813.373.800	4.201.500	809.172.300	
1	Huyện Hàm Yên (chi tiết theo báo cáo số 111/UBND - NLN ngày 18/03/2019 của UBND huyện Hàm Yên)	375.721.700		375.721.700	
	Thu các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học, UBND xã, thị trấn: 86 đơn vị	375.721.700		375.721.700	
2	Huyện Sơn Dương (chi tiết các xã, thị trấn theo Văn bản số 134 /UBND-NLN ngày 22/3/2019 của UBND huyện Sơn Dương)	437.652.100	4.201.500	433.450.600	
	Thu của các Cơ quan, đơn vị hành chính, trường học, UBND xã trên địa bàn: 94 đơn vị	351.852.200		351.852.200	
	Thu của người lao động: 11 xã	84.030.000	4.201.500	79.828.500	
	Thu của doanh nghiệp trên địa bàn: 01 doanh nghiệp	1.769.900		1.769.900	